**TỔNG HỢP**

**CÁC VẤN ĐỀ BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC VỀ VĂN BẢN PHÁP QUY TRONG   
SẢN XUAT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN**

*(Tài liệu cập nhật 24/3/2022, phục vụ Hội thảo “Dòng chảy pháp luật kinh doanh Việt Nam 2021” ngày 29/3/2022 do VCCI tổ chức)*

| **Stt** | **Vấn đề** | **Hiện trạng, KIẾN NGHỊ** |
| --- | --- | --- |
| **I** | LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA **BỘ NN&PTNT:** | |
|  | Vướng mắc trong việc đưa danh mục hầu hết các sản phẩm thuỷ sản làm thực phẩm cho người (đông lạnh, đồ khô…) vào danh mục **kiểm tra nhập khẩu** có tên “kiểm dịch” là chưa phù hợp.  Việc duy trì mở rộng các đối tượng/danh mục “hàng chế biến” phải kiểm dịch như Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT và Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT, 36/2018/TT-BNNPTNT là biện pháp quá mức và không cần thiết, chưa phù hợp với chủ trương cắt giảm danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, với quy định pháp luật cũng như thông lệ quốc tế hiện hành | **+** Hiệp hội VASEP và cộng đồng DN thuỷ sản đã nêu kiến nghị này tại nhiều công văn và các cuộc họp với Vụ Pháp chế (Bộ NN) và LĐ Bộ NNPTNT từ 2019-2021.  **+** Sau khi VASEP gửi Thư Thỉnh nguyện số **127/CV-VASEP** ngày 29/11/2021 tới Thủ tướng Chính phủ đề nghị được xem xét tháo gỡ, giải quyết, ngày **4/1/2022**, Bộ NNPTNT đã có cuộc họp giữa các cơ quan chức năng của Bộ, Cục KSTTHC (VPCP) và VASEP về vướng mắc này, tại cuộc họp Cục Thú y đã tiếp thu và cam kết giải quyết.  + Bộ NNPTNT trên KQ cuộc họp ngày 04/1/2022 đã có báo cáo số **263/BNN-TY** ngày 13/01/202 gửi Văn phòng Chính phủ - theo đó, Bộ tiếp thu việc bỏ quy định kiểm tra sản phẩm thuỷ sản đông lanh nhập khẩu để SXXK, GCXK không tiêu thụ trong nước & sẽ sửa Thông tư 26/2016 và 36/2018 trong quý 2/2022.  + Theo báo cáo số 263 kể trên, ngày 29/01/2022 VPCP có văn bản số **762/VPCP-KSTT** gửi Bộ NNPTNT truyền đạt ý kiến chỉ đạo của PTTg Lê Văn Thành v/v rà soát, sửa đổi các VB QPPL trong quý II/2022 để bãi bỏ quy định thực hiện kiểm dịch đối với sản phẩm thuỷ sản chế biến đông lạnh dùng làm thực phẩm nhập khẩu về để SXXK, gia công hàng XK không tiêu thụ trong nước.  **KIẾN NGHỊ**: Bộ NNPTNT chỉ đạo việc sớm xúc tiến sửa đổi các thông tư 11/2021, 26/2016 và 36/2018 hoàn thiện trong quý 2/2022 theo văn bản 762/VPCP-KSTT kể trên. |
| **II** | LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA **BỘ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG** | |
|  | Ngưỡng chỉ tiêu phospho trong nước thải chế biến thủy sản (CBTS) sau xử lý (QCVN 11-MT:2015) là quá nghiêm ngặt. Ở thời điểm hiện tại, với đặc thù ngành nghề CBTS, rất nhiều nhà máy khó có thể đáp ứng được quy định. Chỉ tiêu **Phospho** chỉ cho phép là **20 ppm** (cột B) và **10ppm** (cột A) mà hàng năm nhiều nhà máy thuỷ sản bị thanh-kiểm tra đều bị vi phạm (từ 1,5-3 lần, thậm chí cao hơn) và bị phạt vi phạm hành chính, kèm các rủi ro phát sinh rất lớn khác – đó là nguy cơ bị **đình chỉ xuất khẩu**, ở cả cấp độ DN và cấp độ quốc gia nếu khách hàng nước ngoài có được các thông tin. Mấy năm qua, VASEP đã có các báo cáo, kiến nghị sửa đổi ngưỡng phospho lên **40ppm**.  Hiện nay, Bộ TNMT có Dự thảo mới, Dự thảo này sẽ thay thế cả cho QCVN 40 (nước thải công nghiệp) và QCVN 11 (nước thải chế biến thủy sản), đưa nước thải chế biến thủy sản **vào chung** QCVN nước thải công nghiệp. Và đặc biệt, các chỉ tiêu trong Dự thảo này đang ngặt nghèo hơn QCVN 11-MT:2015 rất nhiều: Phospho chỉ từ **4-6 mg/l,** Nitơ chỉ từ **20-40 mg/l**, Amoni chỉ từ **5-10 mg/l**. Điều này đang thực sự gây ra quan ngại rất lớn cho cộng đồng DN chế biến XKTS Việt Nam hiện nay – bởi mức độ này vừa không phù hợp với thực tiễn, với đặc thù ngành hàng và đặc biệt không phù hợp với **khả năng công nghệ xử lý nước thải** hiện hành. | Từ 2016, VASEP và các DN đã phản ánh nhiều lần về vướng mắc tại quy định chỉ tiêu Phospho, Nito và Amoni trong QCVN 11-MT:2015. Riêng trong năm 2021-2022, những bất cập này đã được phản ánh tại công văn 29/CV-VASEP ngày 19/3/2021, cuộc họp ngày 8/4/2021 với TCMT, công văn **104/CV-VASEP** ngày 30/8/2021. Tuy nhiên, dự thảo QCVN 2021 mới vẫn chưa điều chỉnh phù hợp theo nội dung góp ý-kiến nghị của Hiệp hội và đang trong giai đoạn hoàn tất chuẩn bị ban hành, Hiệp hội dã phải có văn bản báo cáo-kiến nghị tới Thủ tướng Chính phủ tại văn bản **số 04/CV-VASEP** ngày **21/01/2022** về nội dung này.  Vấn đề “*vi phạm quy định môi trường*” khi xảy ra là vô cùng nhạy cảm đối với ngành chế biến XK thủy sản do liên quan đến các cam kết tuân thủ & trách nhiệm môi trường với khách hàng quốc tế được cụ thể trong hợp đồng và các chứng nhận phát triển bền vững mà DN phải thực hiện như là điều kiện để chuyện “xuất-nhập khẩu” xảy ra. Bất kỳ có thông tin hoặc dấu hiệu cho thấy nhà máy vi phạm các quy định về môi trường của quốc gia, thì đều sẽ dẫn đến bị cắt hợp đồng và cảnh báo công khai theo cách này hoặc cách khác. Điều này sẽ tác động tiêu cực lớn tới không chỉ phạm vi một DN mà còn hình ảnh & kim ngạch xuất khẩu của quốc gia, và kéo theo là cả sinh kế của hàng triệu nông-ngư dân.  Các cơ sở về Đặc thù ngành hàng, khả năng công nghệ xử lý nước thải hiện hành, hiện trạng-bằng chứng về gây phú dưỡng môi trường và Thông lệ Quốc tế đã được các DN và Hiệp hội báo cáo-trình bày chi tiết tại tất cả các Văn bản góp ý-kiến nghị cũng như tại cuộc họp chính thức ngày 08/4/2021 giữa Tổng cục Môi trường và Hiệp hội VASEP.  **KIẾN NGHỊ:**   * 1. **Không gộp** nước thải CBTS vào Dự thảo QCVN công nghiệp chung nhiều ngành nghề khác nhau; hoặc có điều khoản riêng cho chế biến thủy sản tại dự thảo QCVN nước thải công nghiệp mới do yếu tố đặc thù của ngành như đã thực hiện riêng trong suốt hơn 20 năm qua;   2. **Nâng ngưỡng** cho phép của chỉ tiêu phospho lên mức 40ppm (cột B) và 30ppm (cột A) để phù hợp với điều kiện thực tế của DN chế biến thủy sản Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế các nước trong khu vực; sau khi hết lộ trình áp dụng 10 năm (đến 2031) như kiến nghị mục (3) dưới đây thì đưa ngưỡng phosphovềmức 20ppm   3. Áp dụng lộ trình thực hiện **10 năm**cho QCVN mới theo thông lệ quốc tế (như trường hợp của Mỹ và một số nước là 10 năm) để có thời gian cho phép DN chuyển đổi công nghệ, đầu tư và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.   4. Giữ nguyênngưỡng kiểm soát của Amoni và Ni-tơ như trong QCVN 11-MT:2015 |
|  | Bộ TNMT chưa ban hành QCVN riêng cho nước thải nuôi trồng thủy sản nên tất cả các đánh giá tác động môi trường của các dự án xây dựng các trại/ao nuôi thủy sản cũng như việc kiểm soát nguồn nước đầu ra của các ao nuôi đang được các cơ quan Quản lý TNMT yêu cầu áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp.  Các chỉ tiêu tại QCVN này rất khắt khe và rất khó để các ao nuôi tôm-cá đạt được, đồng thời cũng không phù hợp với điều kiện thực tế của các trại nuôi. Vấn đề này đang tạo nên áp lực rất lớn về công tác xử lý nước thải đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.  Dự thảo mới 2021: có các chỉ tiêu còn nghiêm ngặt hơn cả QCVN 40:2011, vẫn sẽ dự kiến tiếp tục được áp dụng cho nước thải của các ao nuôi thủy sản càng gây thêm khó khăn và bất khả thi cho việc tuân thủ của các trại nuôi | * Điều kiện xử lý nước thải trong quá trình nuôi thủy sản được áp dụng **phương án xử lý lắng lọc sinh học trong ao lắng thải**, do đó không phù hợp và khả thi cho phương án đầu tư hệ thống XLNT theo quy trình xử lý với thiết bị công nghiệp như ở các nhà máy chế biến thủy sản hoặc các ngành sản xuất công nghiệp. Chất lượng nước thải từ ao nuôi trước khi thải ra môi trường bên ngoàiyêu cầu có các chỉ tiêu gây ô nhiễm theo giới hạn củaQCVN 40:2011/BTNMT**là rất khó đạt được & thậm chí bất khả thi** trong khi điều kiện xử lý của các trại nuôi chỉ áp dụng biện pháp xử lý sinh học trong ao lắng thải. * Đối tượng áp dụng của QCVN 40:2011/BNMT theo điểm 1.2.1 của QCVN này chỉ là các cơ sở có **hoạt động xả nước thải công nghiệp.** Theo điểm 1.3.1. của QCVN 40, nước thải này là nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp, các cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp hoặc nhà máy xử lý nước thải tập trung có đấu nối nước thải của cơ sở công nghiệp trong khi **các trại nuôi thủy sản không phải là cơ sở sản xuất công nghiệp.**  Ngành chăn nuôi (trên cạn) hoàn toàn tương đồng với nuôi thuỷ sản về quy trình-xả thải-thành phần ô nhiễm, nhưng được Tổng cục Môi trường có Dự thảo QCVN 62:2021 dành riêng cho nước thải chăn nuôi (trên cạn), trong khi các ao nuôi thủy sản vẫn phải dự kiến áp dụng theo QCVN chung của các ngành sản xuất công nghiệp khác. ***KIẾN NGHỊ:***  Đưa trại-ao nuôi thuỷ sản vào phạm vi điều chỉnh của Dự thảo QCVN 62:2021/BTNMT (nước thải chăn nuôi), và thuộc Cột B của cơ sở phải đăng ký môi trường thay vì đang nằm trong Dự thảo QCVN nước thải công nghiệp. |
| **III** | LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA **CHÍNH PHỦ, BỘ Y TẾ** | |
|  | Bất cập về quy định sử dụng muối i-ốt trong chế biến thực phẩm.  Cụ thể là một nội dung tại Nghị định 09/2016/NĐ-09 ngày 28/01/2016 về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm quy định tại điểm a khoản 1 điều 6 ***“Muối…, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt”*** (áp dụng từ ngày 15/3/2017) ***và*** điểm b khoản 1 Điều 6 ***“Bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm”*** ” (có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/3/2018).  ***KIẾN NGHỊ:***  Chính phủ xem xét, chỉ đạo sửa đổi Nghị định 09 theo đúng tinh thần của Nghị quyết 19/2018/NQ-CP đã ban hành. Chỉ bắt buộc muối dùng trong nấu ăn hàng ngày và các gia vị dạng rắn như hạt nêm, viên súp gia vị,…phải bổ sung I-ốt và khuyến khích DN chế biến thực phẩm bổ sung thêm vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm thay vì yêu cầu bắt buộc, theo đúng tinh thần Nghị quyết 19/2018. | + Quy định này đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm tăng nhiều chi phí và tăng vấn nạn cạnh tranh không bình đẳng giữa các DNnhưng không có hiệu quả, không phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro và thông lệ quốc tế cũng như dẫn đến nguy cơ tổn hại sức khỏe cho một bộ phận người Việt. Ngay sau khi Nghị định 09 ban hành, các Hiệp hội đã liên tục có nhiều kiến nghị lên Chính phủ, Bộ Y tế với mong muốn kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.  + Ngày 27/10/2017, Bộ Y tế đã ban hành công văn **6134/BYT-PC** về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, ***chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối I-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I-ốt***. Tuy nhiên, về cơ bản, văn bản 6134 chỉ tháo gỡ cho DN ngành CBTP ở khâu kiểm tra, còn bản chất quy phạm pháp luật của Nghị định 09 vẫn còn nguyên, chưa giải quyết được triệt để những khó khăn, bất cập mà doanh nghiệp ngành đang từng ngày đối mặt.  + Ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, trong đó, tại điểm b khoản 15 Mục III Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế ***“Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 1 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm theo hướng: (i) bãi bỏ quy định “muối dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt” tại điểm a khoản 1 Điều 6; (ii) bãi bỏ quy định “Bột mì dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm” tại điểm b khoản 1 Điều 6. Thay vào đó, chỉ nên khuyến khích doanh nghiệp chế biến thực phẩm sử dụng”***.  + Ngày 16/11/2021, các HH ngành hàng thực phẩm đã có công văn gửi Thủ tướng CP và các Bộ Ngành liên quan kiến nghị sửa đổi nội dung bất cập kể trên tại NĐ 09/2016/NĐ-CP. Bộ Y tế chủ trì cho nội dung này vẫn chưa có phản hồi cụ thể cho kiến nghị của các HH. |
| **IV** | **LĨNH VỰC LIÊN QUAN TỔNG LIÊN ĐOÀN LĐ, THẨM QUYỀN QUỐC HỘI** | |
|  | Quy định mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ lương và tỷ lệ đóng BHXH còn cao | Mức thu BHXH 32,5% và mức thu kinh phí công đoàn 2% quỹ tiền lương hiện tại quá cao và bất hợp lý.  VASEP và các Hiệp hội đã nhiều lần có văn bản kiến nghị và trao đổi tại các cuộc họp với Chính phủ, Tổng LĐLĐ và Bộ LĐTBXH và vẫn đang tiếp tục kiến nghị để điều chỉnh giảm mức thu BHXH xuống 26% (mức của quy định năm 2010) và giảm KPCĐ xuống 1% |
|  | Quản lý Cá bố mẹ, tôm bố mẹ, tôm giống, cá giống trên chuỗi sản xuất, cung ứng và lưu thông | + Hiện trạng: Giống trôi nổi nhiều, kiểm soát lõng lẻo là khởi nguồn nuôi hiệu quả thấp, thậm chí làm lây lan dịch bệnh.  ***+ Đề nghị / mong muốn***: Quản lý Cá bố mẹ, tôm bố mẹ, tôm giống, cá giống trên chuỗi sản xuất, cung ứng và lưu thông theo hướng đảm bảo mục tiêu tránh rủi ro cho người nuôi. Giải quyết các thách thức hiện nay về khả năng tiếp cận giống sạch bệnh của người dân. |
|  | ***Quản lý điều kiện nuôi qua mã số vùng nuôi***  Quản lý điều kiện nuôi qua mã số vùng nuôi nhưng việc cấp mã số đang tắc do các quy định khác đặc biệt là quy định về chứng nhận sở hữu đất. Bên cạnh đó luật quy định ai nuôi phải có mã số nhưng sau đó thì việc sử dụng mã số này vào công tác quản lý chưa được thể chế hoá nên cũng làm cho các địa phương nghĩ rằng cấp mã số là cho DN XK sử dụng chứ không phải cho công tác quản lý, phát triển nuôi ở địa phương | + Hiện trạng: Việc đánh mã số cơ sở nuôi (tôm) mới chỉ thực hiện được tỷ lệ nhỏ ở một số tỉnh là tồn đọng trầm trọng, cản trở quá trình vươn tầm ngành tôm nói riêng và thuỷ sản nói chung. Với yêu cầu truy xuất nguồn gốc của khách hàng quốc tế, các DN tôm đã & đang “gồng mình” gắn với nhiều rủi ro báo cáo nguồn gốc lô hàng (khách hàng kiểm qua google map là vỡ trận).  + ***Đề nghị***: Cải tiến các thủ tục ban đầu để đánh mã số vùng nuôi phù hợp thực tế, để công tác này được nhanh hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như cho việc XK, phát triển ngành hàng. |
|  | Thách thức về ***dịch bệnh trong nuôi trồng*** (vaccine, các chương trình phòng bệnh, dịch tễ, kiểm bệnh tôm và cấp giấy chứng nhận trước khi xuất khẩu…..). Dường như hiện nay mới thấy được công tác dập dịch là có hiệu quả! | |
|  | **Về IUU**  *(Trích theo báo cáo 1893/TCTS ngày 04/11/2022 của TCTS gửi Thứ trưởng Phùng Đức Tiến v/v kết quả họp trực tuyến ngày 27/10/2021 của EC với Bộ NNPTNT về IUU)* | 1) Phía EC cũng nhận thấy, mặc dù trong 4 năm vừa qua từ khi có thẻ vàng, đặc biệt trong vòng 1 năm rưỡi trở lại đây Việt Nam đã gặp nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai do tình hình dịch bệnh Covid 19, hệ thống chống khai thác IUU chưa thực sự được triển khai đầy đủ, mặc dù khuôn khổ pháp lý đã tương đối đầy đủ nhưng quá trình thực thi khung pháp lý tại **các địa phương còn nhiều hạn chế,** chuyển biến còn chậm, có địa phương thực thi nghiêm túc, tốt, có địa phương thực thi chưa tốt, điều đó thể hiện sự không đồng đều trong quá trình thực thi tại các địa phương.  2) Phía EC cũng thể hiện sự quan ngại đối với một số những vấn đề trong báo cáo tiến độ bao gồm: (1) **Về VMS**: tiến độ việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cũng như việc mất tín hiệu tàu cá dẫn đến không thể kiểm soát được đầy đủ toàn bộ đội tàu; (2) **Việc kiểm soát tàu ra vào cảng** và kiểm soát sản lượng lên bến chưa đáp ứng yêu cầu; (3) **Việc kiểm soát tàu nước ngoài cập cảng** và lên cá của tàu nước ngoài theo PSMA chưa đầu tư và còn nhiều sai sót; (4) **Số lượng các vụ việc đã xử lý** liên quan đến tàu cá vi phạm còn hạn chế; (5) **Hạ tầng nghề cá** và Ngân sách nguồn lực chống IUU chưa đáp ứng yêu cầu; (6) **Tàu cá Việt Nam vẫn còn vi phạm** vùng biển nước ngoài.  Trong đó EC đã thẳng thắn nêu ra vấn đề **quan ngại nhất** là việc kiểm soát nguyên liệu nhập khẩu từ tàu nước ngoài và triển khai theo PSMA vẫn chưa có sự tiến triển và có rất nhiều vấn đề qua 4 năm triển khai. EC cũng cho biết đây sẽ là một trong những điều kiện quan trọng, nếu không có sự thay đổi về việc chuyển giao chủ trì của Cục Thú y cho đơn vị chuyên môn về thủy sản để kiểm soát tốt tàu nước ngoài cập cảng theo PSMA thì hồ sơ của Việt Nam sẽ bị đánh giá ở mức nghiêm trọng và sẽ rất khó để cho EC có thể xem xét gỡ thẻ vàng. Một vấn đề quan trọng khác là tình hình tàu cá Việt Nam vẫn còn vi phạm vùng biển nước ngoài, phía EC đề nghị Việt Nam cần sớm giải quyết, nếu không cũng sẽ rất khó gỡ được cảnh báo thẻ vàng. |
|  | Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh: HĐND TP. Hồ Chí Minh khóa IX đã thông qua Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND về ban hành mức thu phí này với mức phí khá cao. Dự kiến thời gian thu các loại phí nêu trên được bắt đầu áp dụng từ 1/4/2022. | Ngày 1/3/2022, 7 Hiệp hội các ngành hàng có nhiều sản phẩm XNK đã có công văn đề nghị Chính phủ, Hội đồng Tư vấn CCTTHC có ý kiến với Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh để xem xét:   1. Chưa triển khai thực hiện thu các loại phí nói trên cho đến hết 31/12/2022. 2. Điều chỉnh các mức thu nói trên giảm xuống theo hướng công bằng, cắt giảm chi phí cho DN 3. Công bố chính thức thời gian bắt đầu và kết thúc, cũng như kế hoạch sử dụng nguồn thu từ các khoản phí nói trên, công khai, minh bạch các khoản thu, chi, đảm bảo không sử dụng ngân sách thu từ các khoản này vào các hoạt động, các công trình không phục vụ hoạt động vận chuyển, XNK tại các cảng biển của các DN. |

----------------------- oOo ---------------------